

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM ĐÔNG
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/HS-ST
Ngày 23-10-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM ĐÔNG, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Minh Thước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Trọng Hậu.

Bà Trần Thị Mỹ Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Mỹ Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 08/2018/TLST-HS ngày 18 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2018/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn B, sinh ngày: 24/8/1995, tại xã S, huyện L, tỉnh H; nơi cư trú: Thôn Vinh Sơn, xã S, huyện L, tỉnh H; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn N, sinh năm: 1972 và bà Nguyễn Thị Thùy Tr, sinh năm: 1977; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Chưa; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/6/2018 đến ngày 02/8/2018. Từ ngày 02/8/2018 đến ngày 27/8/2018 bị cáo được áp dụng biện pháp “Bảo lãnh” thay thế cho biện pháp tạm giam. Từ ngày 28/8/2018 đến nay bị cáo bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

- Bị hại:

+ Chị Đinh Thị T1, sinh năm 1983, trú tại: Thôn H, xã P, huyện N, tỉnh H. Có mặt.

+ Anh Nguyễn Khánh T2, sinh năm 1979, trú tại: Thôn H, xã P, huyện N, tỉnh H. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Nguyễn N, sinh năm: 1972, trú tại: Thôn V, xã S, huyện L, tỉnh H. Có mặt.

- *Người làm chứng*: Cháu Lê Quốc An Ph, sinh ngày 24/4/2006. Vắng mặt. Người đại diện hợp pháp cho cháu Ph là anh Lê Quốc Th (Bố đẻ của cháu Ph) sinh năm: 1975, trú tại: Thôn V, xã S, huyện L, tỉnh H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 28/6/2018, Nguyễn B, sinh năm 1995, trú tại thôn V, xã S, huyện L, tỉnh H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 75H9-0370 rủ cháu Lê Quốc An Ph, sinh ngày 24/4/2006 trú cùng thôn lên huyện Nam Đông chơi, khi đến địa phận huyện Nam Đông, cháu Ph có hỏi B đi đâu, thì B trả lời đi lên thôn Xuân Phú, xã Hương Phú, huyện Nam Đông để trộm phụ tùng máy đào của chị Đinh Thị T1 mà chính Nguyễn B đang lái thuê cho chị T1. Khi đến cách chỗ máy đào khoảng 25 m, B dừng lại và để xe mô tô ở gần khe nước, sau đó B trèo lên máy đào lấy chìa khóa mở thùng đựng đồ nghề lấy 01 cà lê lục giác, 01 cà lê cỡ 13 để làm công cụ trộm tài sản. Do trời tối nên Nguyễn B lấy điện thoại của mình hiệu Oppo mở chế độ đèn pin và đưa cho Ph cầm chiếu sáng để B dùng cà lê mở lấy 02 bộ nhông đầm chạy ở bên phải và bên trái của máy đào hiệu Sumotomi SH60-5, sau khi tháo xong B bỏ 02 bộ nhông đầm chạy của máy đào vào bao tải rồi chở về nhà cất giấu. Đến sáng ngày 29/6/2018 Nguyễn B và Lê Quốc An Ph vẫn chạy xe mô tô đến chỗ máy đào để đi làm bình thường, khi đến nơi Nguyễn B điện thoại cho chị Đinh Thị T1 báo máy đào bị trộm thiết bị không hoạt động được.

Tang vật tạm giữ gồm:

- 02 bộ nhông đầm chạy của máy đào hiệu Sumotomi SH60-5.
- 01 xe mô tô hiệu Honda, biển kiểm soát 75H9-0370.
- 01 cà lê lục giác và 01 cà lê cỡ 13.
- 01 điện thoại di động màu vàng hiệu Oppo, số Imel 1: 8636632032275170, số Emel 2: 863632832275162, có 01sim số 0868091794, không có thẻ nhớ, kính cường lực bị vỡ.

Theo Bản kết luận số 09/KL-HĐĐG ngày 05/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Nam Đông xác định: 02 bộ nhông đầm chạy của máy đào hiệu Sumotomi SH60-5 có giá trị là 22.000.000 đồng.

Ngày 09/7/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nam Đông đã ra quyết định xử lý vật chứng và trả lại tài sản cho chủ sở hữu là chị Đinh Thị T1 02 bộ nhông đầm chạy của máy đào hiệu Sumotomi SH60-5, 01 cà lê lục giác, 01 cà lê cỡ 13 và ông Nguyễn Nhìn 01 xe mô tô hiệu Honda, biển kiểm soát 75H9-0370.

Bản cáo trạng số 09/CT-VKS-NĐ ngày 17/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông tỉnh Thừa Thiên Huế truy tố bị cáo Nguyễn B về tội: “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như bản Cáo trạng đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173;

điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn B từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18-24 tháng.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Chị Đinh Thị T1 và anh Nguyễn Khánh T2 là bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản bị mất và yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm các khoản chi phí như mua dầu nhớt, ốc, vít, tiền công lắp ráp là 2.500.000 đồng; tiền thiệt hại 08 ngày máy đào không hoạt động được là 7.500.000 đồng. Tổng cộng 10.000.000 đồng, bị cáo đã bồi thường đầy đủ, tại phiên tòa hôm nay người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm. Đối với ông Nguyễn N cũng đã nhận lại chiếc xe mô tô hiệu Honda, biển kiểm soát 75H9-0370 và không yêu cầu gì thêm.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động màu vàng hiệu Oppo, số Imel 1: 8636632032275170, số Emel 2: 863632832275162, có 01sim số 0868091794, không có thẻ nhớ, kính cường lực bị vỡ.

Bị cáo không có ý kiến đối đáp tranh luận gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi Trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử, xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Nam Đông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đối chiếu lời khai của bị cáo với lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hoàn toàn phù hợp, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Vào khoảng 19 giờ 00 phút ngày 28 tháng 6 năm 2018 lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu và không có người trông coi tài sản, bị cáo Nguyễn B đã thực hiện hành vi trộm cắp 02 bộ nhông đầm chạy của máy đào hiệu Sumotomi SH60-5 có trị giá là 22.000.000 đồng để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Với hành vi, hậu quả và tài liệu chứng cứ nêu trên, bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông truy tố bị cáo với tội danh nêu trên là có căn cứ pháp luật.

[3] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thì thấy rằng: Bị cáo Nguyễn B không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự. Trong quá

trình điều tra, truy tố và tại phiên toà bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại; hiện nay bị cáo đang điều trị bệnh động kinh nên xem xét cho bị cáo được hưởng những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Do đó, khi quyết định hình phạt căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để có hình phạt tù tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội. Vì vậy, sau khi cân nhắc tính chất và mức độ của hành vi phạm tội, căn cứ vào nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục là đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

Đối với Lê Quốc An Ph, sinh ngày 24/4/2006 có đủ cơ sở kết luận là đồng phạm với Nguyễn B về tội trộm cắp tài sản với vai trò là người giúp sức. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 12 Bộ luật hình sự về độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, tính đến ngày phạm tội cháu Lê Quốc An Ph mới có 12 tuổi 02 tháng 04 ngày, nên cơ quan Điều tra đã thông báo và sao trích hồ sơ vi phạm cho chính quyền địa phương, gia đình biết để phối hợp giáo dục, quản lý.

[4] Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động màu vàng hiệu Oppo, số Imel 1: 8636632032275170, số Emel 2: 863632832275162, không có thẻ nhớ, kính cường lực bị vỡ; trả lại cho bị cáo 01sim có số 0868091794.

[5] Trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Chị Đinh Thị T1 và anh Nguyễn Khánh T2 là bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản bị mất và yêu cầu bị cáo phải bồi thường các khoản chi phí như mua dầu nhớt, ốc, vít, tiền công lắp ráp là 2.500.000 đồng; tiền thiệt hại 08 ngày máy đào không hoạt động được là 7.500.000 đồng. Tổng cộng 10.000.000 đồng, bị cáo đã bồi thường đầy đủ, tại phiên tòa hôm nay người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm. Đối với ông Nguyễn N cũng đã nhận lại chiếc xe mô tô hiệu Honda, biên kiểm soát 75H9-0370 và không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bị cáo Nguyễn B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 47; Điều 65 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn B phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt bị cáo Nguyễn B 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn B cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện L, tỉnh H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động màu vàng hiệu Oppo, số Imel 1: 8636632032275170, số Emel 2: 863632832275162, không có thẻ nhớ, kính cường lực bị vỡ; trả lại cho bị cáo 01sim có số 0868091794.

3. Về án phí, buộc bị cáo Nguyễn B phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Viện kiểm nhân dân huyện Nam Đông;
- Cơ quan Điều tra CA huyện Nam Đông;
- Cơ quan THAHS CA huyện Nam Đông;
- Chi cục THADS huyện Nam Đông;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu HSVA; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hồ Minh Thước